

THÔNG BÁO

Về việc đăng ký học phần và đóng học phí Học kỳ 2 Năm học 2024-2025 (mã học kỳ: 2433)

1. Quy định chung

1.1 Sinh viên chỉ đăng ký học phần (ĐKHP) online theo kế hoạch học tập cá nhân đã điều chỉnh và được Giảng viên phụ trách lớp ngành duyệt.

1.2 Sinh viên ĐKHP Học kỳ (HK) 2 tối đa 24 tín chỉ, tối thiểu 12 tín chỉ.

1.3 Sinh viên ĐKHP Thực tập tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp, nếu có nhu cầu đăng ký thêm HP khác:

a) Sinh viên chỉ có thể đăng ký thêm các HP có lớp mở vào thứ Bảy, buổi tối để đảm bảo sinh viên đủ 40 giờ/tuần trong 15 tuần của HP Thực tập tốt nghiệp.

b) Nếu muốn đăng ký thêm HP có thời khóa biểu giờ hành chính các ngày trong tuần, sinh viên phải có lịch thực tập theo Ca (lịch thực tập 40h/tuần và có lịch rảnh giờ hành chính). Hoặc sinh viên phải làm đơn (theo mẫu) và có sự đồng ý của: 1. Doanh nghiệp nơi thực tập, 2. Giám đốc chương trình. 3. Phòng Đào tạo đại học (Sinh viên chọn lớp cụ thể theo mẫu và gửi cho email dkmh@hoasen.edu.vn hoặc liên hệ trực tiếp phòng hỗ trợ ĐKHP để được duyệt đăng ký cho những lớp học phần còn chỗ, trong đợt ĐKHP online hoặc đợt ĐKHP bổ sung online.

1.4 Về học phí:

a) Sinh viên chưa hoàn tất ĐỦ học phí theo mốc thời gian quy định sẽ bị hủy toàn bộ HP đã đăng ký và **không được ĐKHP trong đợt bổ sung**. Trường hợp sinh viên đóng trễ hơn mốc thời gian đã quy định, học phí sẽ kết chuyển HK kế tiếp;

b) Trường không có chính sách chia học phí đóng nhiều đợt tại HK 2;

c) Sinh viên nộp đơn xin hủy HP với lý do bất khả kháng kèm minh chứng, được xem xét hủy HP và xử lý học phí như sau:

- Bảo lưu 100% học phí nếu đơn gửi đủ minh chứng trước khi bắt đầu HK 07 ngày (ví dụ: ngày 24/3/2025 bắt đầu HK, sinh viên cần nộp đơn trước ngày 17/3/2025 để được xem xét bảo lưu 100% học phí);

- Bảo lưu 60% học phí nếu đơn gửi đủ minh chứng trong vòng 07 ngày trước khi HK bắt đầu (Sinh viên nộp đơn từ ngày 17/3/2025 đến trước ngày 24/3/2025 thì bảo lưu 60%);

- Không giải quyết tài chính nếu đơn gửi đủ minh chứng kể từ ngày đầu tiên của HK.

2. Mốc thời gian đăng ký học phần online đợt chính

STT	Khóa đăng ký học phần	Mốc thời gian thực hiện	Thời hạn đóng học phí
1	Sinh viên lập/điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân	Từ 08h00 ngày 20/01/2025 đến 17h00 ngày 23/01/2025	httpsv.hoasen.edu.vn
2	Giảng viên phụ trách lớp ngành duyệt kế hoạch học tập cá nhân của sinh viên	Từ 08h00 ngày 20/01/2025 đến 17h00 ngày 23/01/2025	
3	Đại học (ĐH): - Khóa 2018 trở về trước đã có quyết định gia hạn thời gian học tập - Khóa 2019, 2020, 2021	Từ 13h30 ngày 11/02/2025 đến 10h00 ngày 13/02/2025	- Từ 13h30 ngày 11/02/2025 đến ngày 26/02/2025 - Sinh viên đóng HP tại ngân hàng ghi mã kỳ thu 2433.
4	- ĐH: Khóa 2022 - ĐH Khóa 2023 diện xét miễn học - ĐH Khóa 2024 diện xét miễn học	Từ 13h30 ngày 13/02/2025 đến 10h00 ngày 15/02/2025	
5	ĐH Khóa 2023, 2024 (trừ Sinh viên diện xét miễn học). Sinh viên được xếp cứng Thời khóa biểu (TKB). Sinh viên xem TKB trên httpsv.hoasen.edu.vn	Từ 13h30 ngày 13/02/2025	- Từ 13h30 ngày 11/02/2025 đến ngày 26/02/2025 - Sinh viên đóng HP tại ngân hàng ghi mã kỳ thu 2433.
6	- Tất cả các Khóa: Khóa 2018 trở về trước đã có quyết định gia hạn thời gian học tập, ĐH 2019 đến 2022 - ĐH Khóa 2023, 2024 diện xét miễn học - Sinh viên 5 ngành: Thiết kế thời trang, Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa, Nghệ thuật số được xếp cứng thời khóa biểu. Sinh viên xem thời khóa biểu và điều chỉnh đăng ký thêm lớp/ Hủy lớp/ Chuyển lớp trên httpsv.hoasen.edu.vn.	Điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân Từ 10h00 ngày 15/02/2025 đến 16h00 ngày 19/02/2025 Đăng ký học phần Từ 13h30 ngày 15/02/2025 đến 16h00 ngày 19/02/2025	
7	ĐH Khóa 2024 (trừ Sinh viên diện xét miễn học) đăng ký học phần Giáo dục thể chất offline	Từ 08h00 ngày 20/02/2025 đến 16h00 ngày 20/02/2025	Tại Phòng 001 cơ sở Quang Trung
		Từ 08h00 ngày 21/02/2025 đến 16h00 ngày 22/02/2025	Tại Phòng 301 cơ sở Thành Thái

3. Mốc thời gian đăng ký học phần online bổ sung và xử lý đăng ký học phần

STT	Nội dung	Ngày thực hiện	Nơi thực hiện/ ghi chú
1	Hủy kết quả ĐKHP do chưa hoàn tất đủ học phí	Ngày 28/02/2025	Sinh viên không hoàn tất học phí không được ĐKHP bổ sung
2	Công bố danh sách sinh viên và lớp HP bị hủy do không đủ sĩ số	13h30 ngày 25/02/2025	httpsv.hoasen.edu.vn
3	Sinh viên điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân để ĐKHP-bổ sung	Từ 13h30 ngày 28/02/2025 đến 16h00 ngày 08/3/2025	
4	Giảng viên phụ trách lớp ngành duyệt kế hoạch học tập cá nhân để sinh viên ĐKHP- bổ sung	Từ 13h30 ngày 28/02/2025 đến 16h00 ngày 08/3/2025	
5	ĐKHP bổ sung dành cho: - Sinh viên thuộc lớp HP bị hủy. - ĐH Khóa 2023, 2024 diện xét miễn học. - ĐH Khóa 2023 đăng ký học phần tự chọn (tự chọn tự do, giáo dục thể chất, học lại...)	Từ 13h30 ngày 04/3/2025 đến 16h00 ngày 07/3/2025	
6	ĐKHP bổ sung dành cho: Sinh viên đã ĐKHP có nhu cầu đăng ký thêm khi lớp HP còn khả năng tiếp nhận	Từ 13h30 ngày 05/3/2025 đến 16h00 ngày 07/3/2025	
7	Xử lý chuyển dữ liệu ĐKHP-bổ sung vào đợt chính	Ngày 08/3/2025	Sinh viên không xem thời khóa biểu và không đóng học phí
8	Đóng học phí HP bổ sung	Từ 13h30 ngày 04/3/2025 đến ngày 12/3/2025	Tại ngân hàng
9	Hủy kết quả ĐKHP do chưa hoàn tất đủ học phí đợt bổ sung	13h30 ngày 17/3/2025	httpsv.hoasen.edu.vn
10	Sinh viên xem lại TKB đi học	19/3/2025	httpsv.hoasen.edu.vn
11	Ngày bắt đầu học	24/3/2025	Theo TKB đã ĐKHP

4. Thông tin học phí

4.1. Sinh viên xem tại app Hoa Sen, mục Học phí. Hoặc sinh viên xem chi tiết học phí tương ứng từng môn học ở Phiếu kết quả ĐKHP xuất từ hệ thống thông tin sinh viên, trên giao diện phiếu có mã QR dùng để thanh toán học phí.

4.2. Hình thức đóng: thanh toán chuyển khoản hoặc đóng bằng tiền mặt qua 1 trong 2 ngân hàng với thông tin sau:

a. Ngân hàng Thương Mại Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

- Tên tài khoản: TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

- Số tài khoản: **130 307 2458**
 - Chi nhánh NH: BIDV chi nhánh Sở giao dịch 2
 - b. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank – MSB)**
 - Tên tài khoản: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN**
 - Số tài khoản: **040 0101 009 1963**
 - Chi nhánh NH: MSB chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
- Cú pháp chuyển khoản: MSSV [...], họ tên sinh viên, mã kỳ 2433**

5. Thông tin liên hệ

5.1 Về học phí:

- a) Email: hocphi@hoasen.edu.vn;
- b) Điện thoại: (028) 73091991, Ext: 4635, 4636 hoặc 4640 trong giờ hành chính từ 8h00 đến 17h00, các ngày từ thứ 2 đến thứ 6;
- c) Trực tiếp: Phòng Tài chính - Kế toán (P.101 - Trụ sở chính Nguyễn Văn Tráng, số 08 Nguyễn Văn Tráng, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh).

5.2 Về sự cố liên quan đến ĐKHP:

- a) Email: dkmh@hoasen.edu.vn;
- b) Điện thoại: (028) 73091991, Ext: 4845 hoặc 4848 hoặc 4844 trong thời gian ĐKHP;
- c) Trực tiếp Bộ phận hỗ trợ ĐKHP:
 - P.003 Cơ sở Quang Trung 2, lô 10 CVPM Quang Trung, Quận 12, TP.HCM.
 - P.103 Trụ sở chính Nguyễn Văn Tráng, số 08 Nguyễn Văn Tráng, Quận 1, TP.HCM.
 - P.105 Cơ sở Thành Thái, 7/1 Thành Thái, Quận 10, TP.HCM.

Lưu ý: Bộ phận Kế hoạch - P.ĐTĐH làm việc trực tiếp tại 03 cơ sở vào Thứ Bảy, 15/02/2025, 08/3/2025./.

Nơi nhận:

- TT. TT&TN-VLSV, Các khoa, Cố vấn học tập, các phòng ban (để phối hợp truyền thông);
- Thông báo (htttsv, email sinh viên);
- Lưu: ĐTĐH.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Tiến Lập

DANH SÁCH HỌC PHẦN DỰ KIẾN MỞ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025 CẬP NHẬT (MÃ HK 2433)

(Đính kèm thông báo số 06/TB-ĐTĐH ngày 20 tháng 01 năm 2025)

Lưu ý: SV xem kỹ mã Học phần (HP) theo đúng yêu cầu đào tạo từng khóa để chọn đúng Mã số Học phần (Cột B_tô Vàng).

TT	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Tổng tiết	P. LT	P. TH	Đi thực địa	Hướng dẫn/ Bài tập	Môn học trước	Ghi chú
1	AI102DV01	Giải tích số	3	30	30	0	0	0	AI104D_Lập trình cơ bản	K24
2	AI103DV01	Toán ứng dụng trong Trí tuệ nhân tạo	3	45	0	0	0	0		0 K24
3	AI105DV01	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python	3	30	30	0	0	0		0 K24
4	AI202DV01	Lập trình hướng đối tượng trong Python	3	30	30	0	0	0	AI104D_Lập trình cơ bản	K24
5	AI205DE01	Artificial Intelligence	3	60	30	30	0	0	AI104D_Lập trình cơ bản EII4/ EIC5	
6	AI207DV01	Phân tích, thiết kế và xây dựng hệ thống hướng	6	105	60	45	0	15	AI206D_Đồ án lập trình máy học EII4/ EIC5	
7	AI303DE01	Advanced AI Methods and Tools	3	60	30	30	0	0	AI303D_Phương pháp và Công cụ trí tuệ nhân tạo EII4/ EIC5	
8	AI304DV01	Thiết kế và phát triển đồ án trí tuệ nhân tạo	2	0	0	0	0	0	IT201D_Cơ sở dữ liệu SW103D_Lập trình hướng đối tượng EII4/ EIC5	
9	AI305DE01	Deep Learning	3	60	30	30	0	0	AI303D_Phương pháp và Công cụ trí tuệ nhân tạo	
10	AI403DE01	Data mining Fundamentals	3	60	30	30	0	0	IT201D_Cơ sở dữ liệu SW103D_Lập trình hướng đối tượng	
11	AI408DE01	Natural Language Processing	3	60	30	30	0	0	AI301D_Máy học EIC 5/ EII 4	
12	AI409DE01	Speech Technology	3	60	30	30	0	0	EII4/ EIC5	
13	AI413DE01	Artificial Intelligence in Customer Service	3	60	30	30	0	0	EII4/ EIC5	
14	AI417DE01	Artificial Intelligence	3	60	30	30	0	0	SW206D_Phân tích và thiết kế giải thuật hoặc SW103D_Lập trình hướng đối tượng EII4/ EIC5	
15	ANH117DE02	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 2	3	60	0	0	0	0	ANH116DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 1	K24
16	ANH203DE03	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 3	3	45	0	0	0	0	ANH102DE_Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 2	K24
17	ANH210DE03	Nói tiếng Anh trước công chúng	3	45	0	0	0	0	ANH102DE_Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 2	K24
18	ANH211DE04	Educational Psychology	3	45	45	0	0	0	ANH223DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3, hoặc ANH218DE_Kỹ năng Đọc-Viết biện luận tiếng Anh	

19	ANH225DE02	Introduction to Corporate Communication	3	45	45	0	0	0	ANH223DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3, hoặc ANH218DE_Kỹ năng Đọc-Viết biện luận tiếng Anh	
20	ANH228DE01	English for Business Studies	3	60	60	0	0	0	ANH223DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3 hoặc ANH218DE_Kỹ năng Đọc - Viết biện luận tiếng Anh	
21	ANH303DE03	English Syntax and Morphology	3	60	60	0	0	0	ANH115DE_Viết tiếng Anh căn bản, hoặc ANH229DE_Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	
22	ANH307DE05	English Phonetics and Phonology	3	60	60	0	0	0	ANH203DE_Kỹ năng Nghe và Nói 3	
23	ANH308DE04	Introduction to Translation and Interpreting	3	60	60	0	0	0	Khóa 2017 trở về trước: ANH102DE_Kỹ năng nghe và nói tiếng Anh 2, và ANH104DE_Kỹ năng đọc 2 Khóa 2018 trở về sau: ANH203DE_Kỹ năng nghe và nói 3 và ANH229DE_Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	
24	ANH319DE02	Teaching English with Technology	3	60	60	0	0	0	ANH309DE_Lý thuyết và phương pháp giảng dạy tiếng Anh, hoặc ANH332DE_Nhập môn giảng dạy tiếng Anh	
25	ANH320DE02	Project 2: Primary Source Data Collection	2	0	0	0	0	0	ANH222DE_Đề án 1	
26	ANH321DE01	Project 2: Specialized Implementation Project	2	0	0	0	0	0	ANH222DE_Đề án 1	
27	ANH322DE01	English for Effective Business Writing	3	60	60	0	0	0	ANH223DE_Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	
28	ANH324DE01	Advanced English for Business	3	60	60	0	0	0	ANH228DE_Anh văn kinh doanh	
29	ANH325DE01	Fundamentals of Marketing and Sales	3	60	60	0	0	0	ANH228DE_Anh văn kinh doanh	
30	ANH332DE02	Introduction to English Language Teaching & L	3	45	45	0	0	0	ANH223DE_Kỹ năng đọc và viết tiếng Anh 3	
31	ANH405DE04	Teaching English to Children	3	60	60	0	0	0	ANH211DE_Tâm lý sư phạm hoặc ANH332_Nhập môn Giảng dạy tiếng ANH (CTSB)	
32	ANH408DE05	American Literature	3	60	60	0	0	0	ANH218DE_Kỹ năng Đọc-Viết biện luận tiếng Anh	
33	ANH450DE03	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0	0	0	Work Internship hoặc Work Internship Accumulation (Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN)	
34	ANH451DE03	Graduation Paper	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
35	ANH452DE01	Graduation Internship	6	0	0	0	0	0		
36	ANH453DE01	Graduation Paper	6	0	0	0	0	0		
37	ANH454DE01	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0	0	0		0
38	ANH455DE01	Graduation Paper	9	0	0	0	0	0		0
39	ANH456DE01	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0	0	0		0
40	ANH457DE01	Graduation Paper	9	0	0	0	0	0		0
41	ANH458DE01	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0	0	0		0
42	ANH459DE01	Graduation Paper	9	0	0	0	0	0		0
43	ART101DV02	Hình họa mỹ thuật	3	0	60	0	0	0		0 K24
44	ART103DV02	Tạo hình ứng dụng	3	0	60	0	0	0		0 K24
45	ART105DV01	Nhiếp ảnh kỹ thuật số	3	45	0	45	0	0	-	
46	ART109DV01	Lịch sử Mỹ thuật (Thế giới và Việt Nam)	3	60	0	0	0	0	-	K24

47	ART110DV02	Cảm thụ nghệ thuật	3	60	0	0	0	0	0	K24
48	ART202DV02	Đồ họa ứng dụng	3	60	0	60	0	0	0	
49	BA101DV01	Kinh tế vi mô	3	45	0	0	0	0	-	K24
50	BA206DE01	Organizational Behaviour	3	45	45	0	0	0	BA104D_ Quản trị học EII4/ EIC5	
51	BA206DV01	Hành vi tổ chức	3	45	45	0	0	0	BA101D_ Kinh tế vi mô hoặc QT101C_ Kinh tế đại cương hoặc EM314D_ Nhập môn Quản trị sự kiện hoặc EM102D_ Nguyên lý Quản trị Sự kiện EII4/ EIC5	
52	BA301DV02	Đề án lập kế hoạch kinh doanh	3	0	0	0	0	0	BA104D_ Quản trị học EII4/ EIC5	
53	BA302DE01	Quản trị chiến lược	3	45	39	0	6	0	GS105D_ Xác suất thống kê hoặc GS109D_ Thống kê trong kinh doanh EII4/ EIC5	
54	BA303DE01	Project Management	3	45	45	0	0	0	BA104D_ Quản trị học EII4/ EIC5 EII4/ EIC5	
55	BA303DV01	Quản trị dự án	3	45	45	0	0	0	BA104D_ Quản trị học	
56	BA304DE01	Business Operations Management	3	45	42	0	3	0	GS105D_ Xác suất thống kê hoặc GS109D_ Thống kê trong kinh doanh EII4/ EIC5	
57	BA304DV01	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	45	42	0	3	0	GS105D_ Xác suất thống kê hoặc GS109D_ Thống kê trong kinh doanh	
58	BA308DE01	Leadership	3	45	45	0	0	0	EII4/ EIC5	
59	BA308DV01	Nghệ thuật lãnh đạo	3	45	45	0	0	0	-	
60	BA450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
61	BA451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
62	BLAW301DV01	Luật Chứng khoán	2	30	30	0	0	0	-	
63	BLAW302DV01	Luật Ngân hàng	2	30	30	0	0	0	-	
64	BLAW303DV01	Luật Cạnh tranh	2	30	30	0	0	0	LAW112D_ Pháp luật về Chủ thể kinh doanh và phá sản LAW113D_ Pháp luật về Hàng hóa và dịch vụ	
65	BLAW305DV01	Pháp luật về Kinh doanh Bất động sản	2	30	30	0	0	0	LAW104D_ Những vấn đề chung về Luật Dân sự	
66	BLAW401DE01	Laws on Trust	2	30	30	0	0	0	LAW201D_ Luật Tài sản EII4/ EIC5	
67	BLAW450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	GD201D_ Tin học chuyên ngành 2 EII4/ EIC5	
68	BLAW451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
69	CL102DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Trung Quốc 2	3	60	0	0	0	0	0	K24
70	CL104DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 2	3	60	0	0	0	0	0	K24
71	CL208DV01	Trải nghiệm văn hóa Trung Hoa	3	12	0	0	0	0	0	K24
72	CN103DV01	Mạng máy tính cơ sở	3	60	30	30	0	0	-	
73	CN104DV01	Hệ thống máy tính	3	30	30	0	0	0	-	
74	CN109DV01	Mạng máy tính và dịch vụ đám mây	6	105	60	45	0	15	0	

75	CN203DV01	Lý thuyết hệ điều hành	3	60	30	30	0	0	-	
76	DA201DE01	Foundation Animation	3	60	0	60	0	0	GD201D_ Tin học chuyên ngành 2	
77	DA204DE02	Calligraphy	3	60	60	0	0	0	EII4/ EIC5	
78	DA205DE01	Digital Art Portfolio	2	8	8	0	0	0	EII4/ EIC5	
79	DA304DE01	Film Editing	3	60	0	60	0	0	EII4/ EIC5	
80	DA308DE01	Environment Design	3	60	0	60	0	0	EII4/ EIC5	
81	DA401DE01	Advertising Illustration	3	60	30	30	0	0	EII4/ EIC5	
82	DA402DE01	Comic Illustration	3	60	30	30	0	0	EII4/ EIC5	
83	DA403DE01	Book Illustration	3	60	0	60	0	0	EII4/ EIC5	
84	DA450DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	0	
85	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	27	0	3	0	0	DC140D_ Triết học Mác-Lenin	K24
86	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	27	0	3	0	0	DC141D_ Kinh tế chính trị Mác-Lenin	K24
87	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	27	0	3	0	DC142D_ Chủ nghĩa xã hội khoa học	
88	DC144DV01	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	27	0	3	0	DC143D_ Tư tưởng Hồ Chí Minh	
89	DM302DE01	Digital Marketing	3	45	45	0	0	0	MK203D_ Marketing căn bản EII4/ EIC5	
90	DM302DV01	Marketing điện tử	3	45	45	0	0	0	MK203D_ Marketing căn bản	
91	DM306DV01	Quản trị quan hệ khách hàng và chiến lược trực tuyến	3	45	45	0	0	0	0	
92	DM308DV01	Đề án: Dự án Marketing kỹ thuật số	2	0	0	0	0	0	0	
93	DM401DE01	Search Engine Optimization and Social Media	3	45	45	0	0	0	MK203D_ Marketing căn bản EIC 5/ EII 4	
94	DM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
95	DM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
96	EC201DE01	E-Commerce	3	45	45	0	0	0	EII4/ EIC5	
97	EC202DE01	Legal Issues and E-Commerce	3	45	45	0	0	0	EII4/ EIC5	
98	EC301DV01	Sàn Giao dịch thương mại điện tử	3	45	39	0	6	0	EII4/ EIC5	
99	EC303DE01	E-Government	3	45	45	0	0	0	EII4/ EIC5	
100	EC305DV01	Bảo mật thương mại điện tử	3	45	0	0	0	0	EII4/ EIC5	

101	EC306DE01	E-Business	3	45	45	0	0	0	EII4/ EIC5	
102	EC307DV01	Ứng dụng Blockchain trong kinh doanh quốc tế	3	45	0	0	0	0	-	
103	EC310DV01	Chiến lược Marketing thương mại điện tử	3	45	0	0	0	0	EC201D_ Thương mại điện tử	
104	EC311DE01	E-commerce Project Management	3	45	36	0	9	0	EC201D_ Thương mại điện tử EII4/ EIC5	
105	EC450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
106	EC451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
107	EM303DE01	M.I.C.E Hospitality	3	45	42	0	3	0	EII4/ EIC5	
108	EM304DV01	Giao thoa văn hóa trong tổ chức sự kiện M.I.C.E	3	45	39	0	6	0	EM314D_ Nhập môn Quản trị sự kiện	
109	EM305DV01	Thiết kế sân khấu	3	45	42	0	3	0	EM314D_ Nhập môn Quản trị sự kiện	
110	EM306DE01	Copywriting in Events	3	45	42	0	3	0	EM314D_ Nhập môn Quản trị sự kiện EM205D_PP viết đề án trong tổ chức SK EII4/ EIC5	
111	EM311DV01	Khai thác yếu tố văn hóa trong tổ chức sự kiện	3	45	42	0	3	0	EM314D_ Nhập môn Quản trị sự kiện	
112	EM313DE01	Sustainable Event Management	3	45	42	0	3	0	EM314D_ Nhập môn Quản trị sự kiện EII4/ EIC5	
113	EM315DE01	M.I.C.E Management	3	45	36	0	9	0	EM314D_ Nhập môn Quản trị Sự kiện hoặc EM102D_Nguyên lý Quản trị Sự kiện EII4/ EIC5	
114	EM316DE01	Catering for Events	3	45	42	0	3	0	TO101D_ Tổng quan DL và KS-NH hoặc EM314D_ Nhập môn Quản trị Sự kiện hoặc EM102D_Nguyên lý Quản trị Sự kiện EII4/ EIC5	
115	EM403DE01	Recreation- Culture- Art event Management	3	45	39	0	6	0	EM314D_ Nhập môn Quản trị sự kiện EII4/ EIC5	
116	EM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
117	EM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
118	FM206DE01	Introduction to Image and Sound	3	75	30	36	9	0	FM101D_ Điện ảnh đại cương, hoặc TT106D_ Cảm thụ nghệ thuật nghe nhìn EII4/ EIC5	
119	FM308DE01	Film Production	3	75	0	60	15	0	TT205D_ Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn TT207D_ Kỹ thuật Audio-Video TT206D_ Nội dung và phương tiện truyền thông nghe nhìn EII4/ EIC5	
120	FM451DE01	Graduation Project	9	0	0	0	0	0	FM307D_ Phát triển đồ án tốt nghiệp, Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN EII4/ EIC5	

121	FM451DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	FM307D_Phát triển đồ án tốt nghiệp, Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
122	GD204DE01	Portfolio Design	2	8	8	0	0	0	GD205D_Đồ họa dàn trang EII4/ EIC5	
123	GD211DV01	Kỹ thuật minh họa	3	60	0	60	0	0	0	
124	GD213DV01	Nghệ thuật chữ	6	75	0	75	0	15	0	
125	GD305DE01	Brand Identity Design	3	60	30	30	0	0	ART202D_Cơ sở tạo hình đồ họa EII4/ EIC5	
126	GD307DE01	Motion Graphic	3	60	0	60	0	0	GD206D_Đồ họa thông tin hoặc ART202DV01- Cơ sở tạo hình đồ họa EII4/ EIC5	
127	GD309DV01	Kỹ thuật minh họa số	3	60	0	60	0	0	0	
128	GD311DV01	Thiết kế UI – UX 2	3	60	0	60	0	0	0	
129	GD450DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	GD402D_Đồ họa truyền thông	
130	GE001DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 1	0	105	105	0	0	0	0	
131	GE002DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 2	0	105	105	0	0	0	0	
132	GE003DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 3	0	135	0	0	0	0	GE002DV01_Tiếng Anh hội nhập quốc tế 2	K24
133	GE101DV01	Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4	5	135	0	0	0	0	GE003DV01_Tiếng Anh hội nhập quốc tế 3	K24
134	GE102DV01	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5	5	135	135	0	0	0	GE101DV01_Tiếng Anh hội nhập quốc tế 4	
135	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	3	45	0	0	0	0	-	K24
136	GLAW202DV02	Luật thương mại và kinh doanh quốc tế	3	45	45	0	0	0	-	
137	GS102DV01	Toán rời rạc	3	45	0	0	0	0	-	K24
138	GS109DV02	Thống kê ứng dụng	3	45	0	0	0	0	-	K24
139	GS110DV01	Xác suất thống kê cho kỹ sư	3	45	45	0	0	0	-	
140	HAN101DV01	Tiếng Hàn 1	4	90	90	0	0	0	-	
141	HAN102DV01	Tiếng Hàn 2	4	90	90	0	0	0	HAN101D_Tiếng Hàn 1	
142	HAN103DV01	Tiếng Hàn 3	4	90	90	0	0	0	HAN102D_Tiếng Hàn 2	
143	HAN201DV01	Tiếng Hàn 4	4	90	90	0	0	0	HAN103D_Tiếng Hàn 3	
144	HM201DE01	Housekeeping Management	3	60	16	44	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH EII4/ EIC5	
145	HM203DE01	Professional Image in Tourism Industry	2	30	30	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH EIC 5/ EII 4	
146	HM301DV01	Quản lý Cơ sở vật chất ngành KS-NH	3	45	42	0	3	0	0	
147	HM301EL02	Front Office Managament	3	60	36	24	0	0	0	
148	HM302DE01	Human Resource Development in Hospitality and Tourism	3	45	45	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH EIC 5/ EII 4	
149	HM305DE01	Front Office Managament	3	60	16	44	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH hoặc TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện EIC 5/ EII 4	

150	HM307DE01	Reservations and Revenue Management	3	45	45	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH hoặc TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện EIC 5/ EII 4	
151	HM309DE01	Contemporary Issues in Hospitality Industry	3	45	45	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH hoặc TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện EIC 5/ EII 4	
152	HM309EL01	Contemporary Issues in the Hospitality Industry	3	45	45	0	0	0		0
153	HM401DE01	Managerial Skills and Leadership in Hospitality	3	45	45	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH EII4/ EIC5	
154	HM401EL01	Managerial Skills and Leadership in Hospitality	3	45	45	0	0	0		0
155	HM402DV01	Tài chính trong KS-NH	3	45	45	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH KT204D_Nguyên lý kế toán	
156	HM403DE01	Hotel Planning & Development	3	45	45	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH EIC 5/ EII 4	
157	HM404DE01	Room Division Management	3	45	45	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH hoặc TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện EIC 5/ EII 4	
158	HM404EL01	Hotel Planning and Development	3	45	45	0	0	0		0
159	HM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
160	HM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
161	HRM203DE01	Human Resource Management	3	45	0	0	0	0	BA104D_Quản trị học EII4/ EIC5	
162	HRM203DV01	Quản trị nhân sự	3	45	45	0	0	0	BA104D_Quản trị học	
163	HRM204DE01	Corporate Culture	3	45	0	0	0	0	BA104D_Quản trị học EII4/ EIC5	
164	HRM302DE01	Remuneration, Rewards and Benefits	3	45	45	0	0	0	HRM203D_Quản trị nhân sự, HRM205DV01_Các chính sách, thủ tục và quy định trong quản lý nhân sự hoặc GLAW201D_Luật lao động EII4/ EIC5	
165	HRM305DE01	Performance Management	3	45	0	0	0	0	HRM203D_Quản trị nhân sự EII4/ EIC5	
166	HRM306DE01	Labor Relations	3	45	0	0	0	0	BA104D_Quản trị học EII4/ EIC5	
167	HRM307DV01	Tâm lý học nhân sự	3	45	45	0	0	0	HRM203D_Quản trị nhân sự	
168	HRM310DE01	Recruitment and Selection	3	45	0	0	0	0	HRM203D_Quản trị nhân sự EII4/ EIC5	
169	HRM311DE01	Learning and Development	3	45	45	0	0	0	BA104D_Quản trị học EII4/ EIC5	
170	HRM404DE01	Strategic Human Resource Management	3	45	0	0	0	0	HRM203D_Quản trị nhân sự EII4/ EIC5	

171	HRM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
172	HRM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
173	IB101DV01	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	3	45	0	0	0	0	-	K24
174	IB305DV01	Nghiệp vụ ngoại thương	3	45	45	0	0	0		0
175	IB306DE01	International Payment	3	45	36	0	9	0	IB101 Nhập môn Kinh doanh quốc tế EII4/ EIC5	
176	IB306DV01	Thanh toán quốc tế	3	45	36	0	9	0	IB101 Nhập môn Kinh doanh quốc tế	
177	IB309DV01	Đàm phán và hợp đồng kinh doanh quốc tế	3	45	45	0	0	0	-	
178	IB401DE01	International Business Management	3	45	45	0	0	0	EII4/ EIC5	
179	IB401DV01	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45	45	0	0	0	-	
180	IB402DE01	Import-Export Management	3	45	45	0	0	0	EII4/ EIC5	
181	IB402DV01	Quản trị xuất nhập khẩu	3	45	45	0	0	0	-	
182	IB450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
183	IB451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
184	ILAW301DE01	International Public	3	45	45	0	0	0	- EIC 5/ EII 4	
185	ILAW309DV01	Luật quốc tế	6	90	75	0	0	15		0
186	ILAW450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
187	ILAW451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
188	IT001DV01	Tin học dự bị	0	0	45	0	0	0	-	K24
189	IT204DV01	Thực hành công nghệ thông tin 2	1	30	0	30	0	0		0
190	IT205DV01	Thực hành công nghệ thông tin 3	1	30	0	30	0	0		0
191	IT209DV01	Thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu	6	105	60	45	0	15		0
192	IT301DE01	Advanced Database	3	60	30	30	0	0	IT202D_Hệ quản trị cơ sở dữ liệu hoặc IT201D_Cơ sở dữ liệu EII4/ EIC5	
193	IT306DE01	Emerging Technologies	3	45	45	0	0	0	IT206D_Phân tích thiết kế hướng đối tượng EII4/ EIC5	
194	IT308DV01	Đồ án chuyên ngành A	2	0	0	0	0	0	IT206D_Phân tích thiết kế hướng đối tượng, SW210D_Công nghệ phần mềm hoặc SW205D_Đồ án thực tập lập trình A	
195	IT317DE01	Internet of Things, Internet of Things Applicatio	3	60	30	30	0	0	SW102D_Cấu trúc dữ liệu và giải thuật EII4/ EIC5	
196	IT450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	KT204D_Nguyên lý kế toán EII4/ EIC5	
197	IT451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	SW102D_Cấu trúc dữ liệu và giải thuật EII4/ EIC5	
198	JPS450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	KT204D_Nguyên lý kế toán EII4/ EIC5	

199	JPS451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	SW102D_Cấu trúc dữ liệu và giải thuật EII4/ EIC5	
200	KT210DE02	Financial Accounting 1	3	60	60	0	0	0	KT204D_Nguyên lý kế toán EII4/ EIC5	
201	KT212DV02	Thuế	3	45	45	0	0	0	BA101D_Kinh tế vi mô	
202	KT307DE02	Digital Accounting Software	3	45	0	45	0	0	KT211D_Kế toán tài chính Việt Nam 1 hoặc KT210D_Kế toán tài chính 1 EII4/ EIC5	
203	KT309DE02	Auditing and Assurance Service 1	3	45	45	0	0	0	KT211DV_Kế toán tài chính Việt Nam 1 / KT210DE_Kế toán tài chính 1 EII4/ EIC5	
204	KT314DE01	Management Accounting and Decisions 2	3	45	45	0	0	0	KT310D_Kế toán Quản trị và ra Quyết định 1 EII4/ EIC5	
205	KT318DE01	Financial Accounting 3	3	45	45	0	0	0	KT308D_Kế toán tài chính 2 EIC 5/ EII 4	
206	KT320DE01	Applied Project	3	0	0	0	0	0	KT308D_Kế toán tài chính 2 EIC 5/ EII 4	
207	KT320DV01	Đề án ứng dụng	3	0	45	0	0	0	KT304DV03_Kế toán tài chính Việt Nam 2	
208	KT402DV01	Kế toán ngân hàng	3	45	45	0	0	0	KT204D_Nguyên lý kế toán	
209	KT450DE01	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
210	KT451DE01	Graduation Paper	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
211	LAW103DV01	Luật Hiến pháp	3	45	0	0	0	0	LAW101D_Nhập môn luật học	K24
212	LAW112DE01	Laws on Commercial Entities and Bankruptcy	3	45	45	0	0	0	LAW104D_Những vấn đề chung về Luật Dân sự EII4/ EIC5	
213	LAW113DV01	Pháp luật về Hàng hóa và dịch vụ	3	45	0	0	0	0	LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng LG319D_Vận hành dịch vụ Logistics (FIATA) EII4/ EIC5	K24
214	LAW209DV01	Kỹ năng Thực hành luật	2	30	27	0	3	0	LAW204D_Hợp đồng chuyên sâu	
215	LAW211DV01	Luật Dân sự 2	6	75	75	0	0	15	0	
216	LE101DV01	Phương pháp Học Đại học	3	45	45	0	0	0	-	
217	LE103DV01	Giới & Phát triển tại Việt Nam	3	45	42	0	3	0	-	
218	LE110DV01	Kỹ năng truyền thông-giao tiếp	3	45	45	0	0	0	-	
219	LE131DV01	Kỹ năng hội nhập quốc tế	3	45	45	0	0	0	0	
220	LE202DV01	Tư duy Phân biện	3	45	45	0	0	0	-	
221	LE203EL01	Intercultural Communication	3	45	45	0	0	0	0	
222	LE208DV01	Giao tiếp liên Văn hoá	3	45	42	0	3	0	0	

223	LE212DV01	Tinh thần doanh chủ	3	45	45	0	0	0	-	
224	LG201DE01	Warehouse and Inventory Management	3	45	42	0	3	0	- EIC 5/ EII 4	
225	LG201DV01	Quản trị nhà kho và tồn kho	3	45	42	0	3	0		0
226	LG202DE01	Logistics	3	45	36	0	9	0	- EIC 5/ EII 4	
227	LG205DE01	Warehouse and Inventory Management (FIATA)	3	45	42	0	3	0	LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng LG319D_Vận hành dịch vụ Logistics (FIATA) EII4/ EIC5	
228	LG206DE01	Principles of Logistics and supply chain management	3	45	45	0	0	0	BA104D_ Quản trị học hoặc BA108D_ Quản trị học và Đạo đức kinh doanh EIC 5/ EII 4	
229	LG206DV01	Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	45	0	0	0	0	BA104D_ Quản trị học	K24
230	LG301DE01	International Transportation & Insurance	3	45	45	0	0	0	- EIC 5/ EII 4	
231	LG301DV01	Vận tải và Bảo hiểm hàng hóa quốc tế	3	45	45	0	0	0		0
232	LG305DV01	Vận tải quốc tế	3	45	45	0	0	0		0
233	LG306DV01	Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan	3	45	39	3	3	0		0
234	LG311DE01	Techniques of International Trade (FIATA)	3	45	45	0	0	0	LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng LG305D_Vận tải quốc tế EII4/ EIC5	
235	LG312DE01	Forwarding and customs declaration (FIATA)	3	45	39	3	3	0	LG305D_Vận tải quốc tế, hoặc IB305D_Nghiệp vụ ngoại thương, hoặc LG311D_Nghiệp vụ ngoại thương (FIATA), hoặc LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng EIC 5/ EII 4	
236	LG313DE01	Multimodal transport (FIATA)	3	45	45	0	0	0	LG305D_Vận tải quốc tế, hoặc IB305D_Nghiệp vụ ngoại thương, hoặc LG311D_Nghiệp vụ ngoại thương (FIATA), hoặc LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng EIC 5/ EII 4	
237	LG314DE01	Sea Transport (FIATA)	3	45	45	0	0	0	LG305D_Vận tải quốc tế EII4/ EIC5	
238	LG315DE01	Cargo and Insurance in International Transport	3	45	45	0	0	0	EII4/ EIC5	
239	LG316DE01	Logistics Information systems (FIATA)	3	45	42	0	3	0	- EIC 5/ EII 4	
240	LG318DV01	Vận tải hàng hóa nguy hiểm	3	45	45	0	0	0		0

241	LG319DE01	Logistics Services (FIATA)	3	45	36	0	9	0	LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng BA104D_ Quản trị học EII4/ EIC5	
242	LG320DE01	Distribution Management	3	45	45	0	0	0	LG206D_Nguyên lý logistics và quản lý chuỗi cung ứng MK203D_ Marketing căn bản EII4/ EIC5	
243	LG322DV01	Đề án chuyên ngành Logistics	3	0	0	0	0	0	0	
244	LG450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN LG250DV01 Thực tập nhận thức	
245	LG451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
246	MIS102DV01	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý	3	45	0	45	0	0	-	
247	MIS203DV01	Thiết kế web và đồ họa	3	45	0	45	0	0	IT001D_ Tin học dự bị hoặc MIS101D_ Tin học đại cương	
248	MIS214DV01	Phân tích định lượng	3	45	45	0	0	0	-	
249	MIS217DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Khoa học xã hội	3	0	45	0	0	0	IT001D_ Tin học dự bị	K24
250	MIS490DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	MIS304D_ Đề án Hệ thống thông tin quản lý Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
251	MIS491DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	MIS304D_ Đề án Hệ thống thông tin quản lý Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
252	MK202DV02	Hành vi khách hàng	3	45	42	0	3	0	MK203D_ Marketing căn bản hoặc PB203D Marketing Bất Động Sản	
253	MK203DE01	Introduction to Marketing	3	45	45	0	0	0	EII4/ EIC5	
254	MK203DV01	Marketing căn bản	3	45	0	0	0	0	-	K24
255	MK208DV01	Nghiên cứu Marketing	3	45	45	0	0	0	0	
256	MK302DE01	International Marketing	3	45	45	0	0	0	MK203D_ Marketing căn bản EIC 5/ EII 4	
257	MK305DE02	Marketing Channels Management	3	45	45	0	0	0	MK203D_ Marketing căn bản EIC 5/ EII 4	
258	MK307DE01	Product Management	3	45	45	0	0	0	MK203D_ Marketing căn bản EIC 5/ EII 4	
259	MK308DE03	Integrated Marketing Communications Management	3	45	45	0	0	0	MK203D_ Marketing căn bản EIC 5/ EII 4	
260	MK309DV01	Quản trị Marketing	3	45	45	0	0	0	0	
261	MK310DE01	Sales Management	3	45	42	0	3	0	MK203D_ Marketing căn bản EII4/ EIC5	
262	MK310DV01	Quản trị bán hàng	3	45	42	0	3	0	MK203D_ Marketing căn bản	
263	MK315DV02	Đề án chuyên ngành	2	0	0	0	0	0	0	
264	MK316DV01	Chiến lược định giá	3	45	45	0	0	0	0	

265	MK317DE01	Marketing Strategy	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5	
266	MK317DV01	Chiến lược marketing	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5	
267	MK318DE01	Social Media Marketing	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5	
268	MK401DE02	Brand Management	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5	
269	MK401DV02	Quản trị thương hiệu	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5 EII4/ EIC5	
270	MK403DE02	Customer Service and Management	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5	
271	MK403DV02	Quản lý và chăm sóc khách hàng	3	45	45	0	0	0		0
272	MK404DE01	Service Marketing	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5	
273	MK404DV01	Marketing dịch vụ	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản	
274	MK406DE01	Content Marketing	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EIC 5/ EII 4	
275	MK406DV01	Marketing nội dung	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản	
276	MK407DE01	Events & Sponsors Management	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EIC 5/ EII 4	
277	MK407DV01	Quản trị tài trợ và sự kiện	3	45	45	0	0	0		0
278	MK409DE01	Mobile Marketing	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5	
279	MK409DV01	Marketing nền tảng di động	3	45	45	0	0	0		0
280	MK410DV01	Phân tích dữ liệu Marketing điện tử	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản	
281	MK412DE01	B2B Sales Management	3	45	45	0	0	0	MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5	
282	MK413DV01	Điều hành bán hàng đa kênh	3	45	45	0	0	0		0
283	MK450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
284	MK451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
285	NHAT101DV02	Tiếng Nhật 1	4	90	90	0	0	0	-	
286	NHAT102DV03	Tiếng Nhật 2	4	90	90	0	0	0	NHAT101D_Tiếng Nhật 1	
287	NHAT103DV03	Tiếng Nhật 3	4	90	90	0	0	0	NHAT102D_Tiếng Nhật 2	
288	NHAT201DV03	Tiếng Nhật 4	4	90	90	0	0	0	NHAT103D_Tiếng Nhật 3	
289	PB450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
290	PB451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
291	PE104DV01	Bóng đá	1	30	0	30	0	0		0
292	PE105DV01	Bóng rổ	1	30	0	30	0	0		0
293	PE107DV01	Karatedo	1	30	0	30	0	0		0

294	PE109DV01	Cầu lông	1	30	0	30	0	0	0	
295	PE110DV01	Taekwondo	1	30	0	30	0	0	0	
296	PE114DV01	Kickboxing	1	30	0	30	0	0	0	
297	PE115DV01	Marathon	1	30	0	30	0	0	0	
298	PE119DV01	Muay	1	30	0	30	0	0	0	
299	PE120DV01	Gym/Fitness	1	30	0	30	0	0	0	
300	PE121DV01	Dance Sport	1	30	0	30	0	0	0	
301	PE126DV01	Bơi lội	1	30	0	30	0	0	0	
302	PE128DV01	Bắn cung	1	30	0	30	0	0	0	
303	PE130DV01	Pickleball	1	30	0	30	0	0	0	
304	PHAP101DV02	Tiếng Pháp 1	4	90	90	0	0	0	-	
305	PHAP102DV02	Tiếng Pháp 2	4	90	90	0	0	0	PHAP101D_Tiếng Pháp 1	
306	PHAP103DV02	Tiếng Pháp 3	4	90	90	0	0	0	PHAP102D_Tiếng Pháp 2	
307	PHAP201DV02	Tiếng Pháp 4	4	90	90	0	0	0	PHAP103D_Tiếng Pháp 3	
308	PHI117DV01	Triết học trong Cuộc sống	3	45	45	0	0	0	0	
309	PR201DE01	Business and Management Fundamentals	3	45	45	0	0	0	-	
310	PR202DE01	Introduction to Public Relations	3	45	45	0	0	0	TT104D_Tổng quan về TTNT hoặc MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5	
311	PR204DV01	Truyền thông thị giác	3	45	0	45	0	0	TT105DV01_Cảm thụ nghệ thuật nghe nhìn	
312	PR303DE01	Public Relations Campaign & Management	3	45	45	0	0	0	PR302D_Nghiên cứu trong hoạt động Quan hệ công chúng TT104D_Tổng quan về TTNT PR202D_Nhập môn Quan hệ công chúng EII4/ EIC5	
313	PR308DV01	Đề án: Sản xuất sản phẩm truyền thông cho hoạt	2	30	0	30	0	0	PR203D_Sản xuất tin tức và phóng sự	
314	PR310DV01	Sản xuất sản phẩm truyền thông cho hoạt động c	6	75	75	0	0	15	0	
315	PR401DE01	Corporate Communications	3	45	45	0	0	0	PR202D_Nhập môn Quan hệ công chúng MK203D_Marketing căn bản EII4/ EIC5	
316	PR451DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	0	
317	PSY104DV01	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học trong Tâm l	3	45	0	0	0	0	-	K24
318	PSY106DV02	Tâm lý học xã hội trong đời sống	3	45	45	0	0	0	0	
319	PSY109DV02	Thống kê và Phân tích trong Tâm lý học	6	75	45	30	0	15	0	K24
320	PSY203DV01	Đề án 1: Ứng dụng tâm lý vào môi trường sống	2	0	0	0	0	0	-	
321	PSY207DE01	Psychopathodology I	3	45	45	0	0	0	PSY206D_Tâm bệnh học I EII4/ EIC5	
322	PSY210DV01	Tâm lý học trong doanh nghiệp	3	45	45	0	0	0	-	
323	PSY213DV01	Tâm bệnh học	6	90	72	0	0	15	0	
324	PSY302DE01	Theories and Techniques of Counselling	3	45	45	0	0	0	PSY204D_Kỹ năng tham vấn căn bản EII4/ EIC5	

325	PSY304DV01	Phát triển nghề nghiệp	3	45	45	0	0	0	PSY210D Tâm lý học trong doanh nghiệp	
326	PSY305DE01	Human and Development	3	45	45	0	0	0	PSY205D_Lý thuyết về Nhân cách EIC 5/ EII 4	
327	PSY308DE01	Biopsychology and Behavioral Neuroscience II	3	45	45	0	0	0	PSY307D_Tâm lý sinh học và thần kinh học về hành vi I EII4/ EIC5	
328	PSY311DE01	Clinical Psychology	3	45	45	0	0	0	PSY302D_Lý thuyết và kỹ thuật Tham vấn EIC 5/ EII 4	
329	PSY315DV01	Nền tảng và kỹ thuật tham vấn	6	75	75	0	0	15		0
330	PSY403DE01	Art Therapy	3	45	45	0	0	0	PSY302D Lý thuyết và kỹ thuật Tham vấn	
331	PSY404DE01	Cognitive Behavioural Therapy II	3	45	45	0	0	0	PSY313D Trị liệu nhận thức hành vi I	
332	PSY407DE01	Mindfulness in Counseling &	3	45	45	0	0	0	PSY302D Lý thuyết và kỹ thuật Tham vấn	
333	PSY451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
334	PSY452DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0		0
335	PSY453DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0		0
336	RM101DE01	Food & Beverage Service Operation	3	45	21	24	0	0	TO101D Tổng quan DL và KS-NH	
337	RM203DE01	Gourmet Culture	3	45	36	3	6	0	TO101D Tổng quan DL và KS-NH	
338	RM205DV01	An toàn và vệ sinh	3	45	42	0	3	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH	
339	RM301EL01	Wine gourmet and Bar Management	3	45	45	0	0	0		0
340	RM302DE01	Bar and Beverage Services	3	45	21	21	3	0	TO101D Tổng quan DL và KS-NH	
341	RM307DV01	Chế biến món ăn	6	90	30	60	0	0		0
342	RM450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
343	RM451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
344	SW102DV01	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	30	30	0	0		0
345	SW102DV01	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	6	75	45	30	0	15		0 K24
346	SW103DV01	Lập Trình Hướng Đối Tượng	3	60	30	30	0	0		0
347	SW103DV01	Lập trình hướng đối tượng	6	75	45	30	0	15		0 K24
348	SW205DV01	Đồ án thực tập lập trình A	2	45	45	0	0	0		0
349	SW210DE01	Software Engineering	3	45	45	0	0	0	SW103D Lập trình hướng đối tượng (ĐH) hoặc	
350	SW305DV01	Phát triển Web	3	60	30	30	0	0		0
351	SW306DE01	Front-end Web Development	3	60	30	30	0	0	SW103D Lập trình hướng đối tượng	
352	SW312DE01	Software Application Development	3	60	30	30	0	0	SW103D Lập trình hướng đối tượng	
353	SW319DE01	Software and System Security	3	60	30	30	0	0	MT221D Lý thuyết Hệ điều hành	
354	SW450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	TIN330D Đồ án chuyên ngành A hoặc TIN339D Thực	
355	SW451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	TIN330D Đồ án chuyên ngành A hoặc TIN339D Thực	
356	TC202DE01	Corporate Finance	3	45	45	0	0	0	-	
357	TC202DV01	Tài chính doanh nghiệp	3	45	45	0	0	0	-	
358	TC303DE01	Portfolio Management	3	45	45	0	0	0	Ngành TU: TOAN355D Toán tài chính hoặc	
359	TC304DE02	Financial Management	3	45	45	0	0	0	TC202D Tài chính doanh nghiệp	
360	TC304DV02	Quản trị tài chính	3	45	45	0	0	0	TC202D Tài chính doanh nghiệp	
361	TC305DE01	Restructuring and Firm Evaluation	3	45	45	0	0	0	TC202D Tài chính doanh nghiệp	

362	TC306DE02	Risk management	3	45	45	0	0	0	TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
363	TC312DE01	Retail Banking Oporations	3	45	45	0	0	0	-	
364	TC312DV01	Ngân hàng bán lẻ	3	45	45	0	0	0	-	
365	TC325DE01	Fundamentals of Fintech	3	45	45	0	0	0	TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
366	TC334DV01	Thị trường chứng khoán và Phái sinh	3	60	60	0	0	0		0
367	TC402DE01	Modelling in Finance	3	45	0	45	0	0	TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
368	TC406DE01	Bank Lending	3	45	45	0	0	0	TC202D_Tài chính doanh nghiệp hoặc Nghiệp vụ ngân	
369	TC406DV01	Tín dụng Ngân hàng	3	45	45	0	0	0	TC202D_Tài chính doanh nghiệp hoặc Nghiệp vụ ngân	
370	TC419DE01	Finance in Multi-National Corporation	3	45	45	0	0	0	TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
371	TC419DV01	Tài chính tập đoàn đa quốc gia	3	45	45	0	0	0	TC202D_Tài chính doanh nghiệp	
372	TC450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
373	TC451DV01	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
374	TK112DV01	Phương pháp nghiên cứu và phát triển ý tưởng	3	45	0	0	0	0	-	K24
375	TK116DV01	Xử lý bề mặt vật liệu	3	56	0	4	0	0	-	K24
376	TK215DE01	Fashion Portfolio Management	3	45	30	0	15	0	TK115D_Photoshop, Illustrator, InDesign EII4/ EIC5	
377	TK217DV01	Văn hóa thời trang	6	90	90	0	0	0		0
378	TK218DV01	Thiết kế bộ sưu tập thời trang	6	90	90	0	0	0		0
379	TK314DE01	Fashion Design (Men's wear)	3	60	0	60	0	0	TK213D_Đề án 1 EII4/ EIC5	
380	TK324DE01	Fashion Branding	3	60	60	0	0	0	TK213D_Đề án 1 EII4/ EIC5	
381	TK325DE02	Fashion Merchandising Management	3	60	60	0	0	0	TK213D_Đề án 1 EII4/ EIC5	
382	TK330DE01	Fashion Design (Underwear and Accessory)	2	60	0	60	0	0	TK213D_Đề án 1 EII4/ EIC5	
383	TK406DE01	Fashion Retail Management	3	60	60	0	0	0	TK327DE_Đề án kinh doanh EII4/ EIC5	
384	TK451DV04	Đồ án tốt nghiệp - Thực tập tốt nghiệp	9	180	180	0	0	0	TK403DE01_Kỹ thuật sản xuất hàng TT TK404DE01_TKTP cao cấp TM403DE01_TMTP cao cấp TK318DV01_Tiếp thị thời trang	
385	TK452DV01	Đồ án tốt nghiệp - Thực tập tốt nghiệp	9	135	135	0	0	0	TK403DE01_Kỹ thuật sản xuất hàng TT TK404DE01_TKTP cao cấp TM403DE01_TMTP cao cấp TK318DV01_Tiếp thị thời trang	
386	TM103DV03	Kỹ thuật may căn bản	3	0	60	0	0	0	-	K24
387	TM205DV01	Kỹ thuật rập 2D	3	75	0	75	0	0		0

388	TM308DV02	Tạo mẫu nâng cao	3	75	0	75	0	0	TK213DE-Đề án 1	
389	TN102DV03	Tin học nội thất 1: Nhập môn và AutoCAD	3	0	60	0	0	0		K24
390	TN103DV03	Kiến trúc - Nội thất nhập môn	6	75	45	30	0	15	0	K24
391	TN115DV01	Công cụ số trong thiết kế kiến trúc nội thất	3	90	0	90	0	0	-	
392	TN117DV01	Kỹ thuật trình bày bản vẽ	3	0	60	0	0	0		K24
393	TN202DV01	Tin học nội thất 3 - (SketchUp)	3	60	0	60	0	0	TN102D_Tin học nội thất 1: Basics and AutoCAD	
394	TN210DE02	Interior Materials and Technology	3	60	0	60	0	0	TN111D_Thiết kế bền vững EII4/ EIC5	
395	TN216DV01	Phát triển kinh doanh nội thất	2	45	45	0	0	0	-	
396	TN221DV01	Phát triển và nghiên cứu ý tưởng	3	60	30	30	0	0	0	
397	TN303DE02	Design Studio: House Interior Design	3	60	0	60	0	0	TN207D_Nguyên lý thiết kế nội thất EII4/ EIC5	
398	TN304DE02	Design Studio: Educational Interior Design	2	45	0	45	0	0	TN207D_Nguyên lý thiết kế nội thất EII4/ EIC5	
399	TN307DE02	Design Studio: Office Interior Design	2	45	0	45	0	0	TN207D_Nguyên lý thiết kế nội thất EII4/ EIC5	
400	TN312DE02	Design Studio: Lighting Decoration	2	45	0	45	0	0	TN207D_Nguyên lý thiết kế nội thất EII4/ EIC5	
401	TO101DV01	Tổng quan DL và KS-NH	3	39	0	6	0	0	-	K24
402	TO201DV01	Đề án 1: Khảo sát ý kiến khách hàng	2	0	0	0	0	0	0	
403	TO209DE01	Tour Guiding: Profession and Practice	3	45	36	0	9	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH EII4/ EIC5	
404	TO304DE01	Project 2: Hospitality & Tourism Project Management	2	0	0	0	0	0	TO201D_Đề án 1: Khảo sát ý kiến khách hàng hoặc TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện EIC 5/ EII 4	
405	TO304DV01	Đề án 2: Quản lý dự án Du lịch.	2	0	0	0	0	0	TO201D_Đề án 1: Khảo sát ý kiến khách hàng	
406	TO309DE01	Heritage Tourism	3	45	36	0	9	0	-	
407	TO312DE01	Vietnam's Itineraries and Destinations	3	45	45	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH hoặc TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện EIC 5/ EII 4	
408	TO314DE01	Tour Operation	3	45	45	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH EII4/ EIC5	
409	TO315DE01	English For Tourism 1	3	45	45	0	0	0	- EIC 5/ EII 4	
410	TO316DE01	Destination Management	3	45	45	0	0	0	-	
411	TO402DE01	Travel Management	3	45	45	0	0	0	-	
412	TO403DE01	Tourism Product Development	3	45	39	0	6	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH hoặc TO103D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện EIC 5/ EII 4	
413	TO404DE01	Contemporary Issues in Tourism	3	45	45	0	0	0	- EIC 5/ EII 4	

414	TO405DV01	Tài chánh trong du lịch	3	45	45	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL và KS-NH	
415	TO450DE01	Graduation Internship	9	15 tuần	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
416	TO450DV01	Thực tập tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0		0
417	TO451DE01	Graduation Paper	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
418	TO452DE01	Graduation Internship	6	0	0	0	0	0		0
419	TO453DE01	Graduation Paper	6	0	0	0	0	0		0
420	TQ101DV02	Tiếng Trung 1	4	90	90	0	0	0	-	
421	TQ102DV03	Tiếng Trung 2	4	90	90	0	0	0	TQ101D_Tiếng Trung 1	
422	TQ103DV03	Tiếng Trung 3	4	90	90	0	0	0	TQ102D_Tiếng Trung 2	
423	TQ201DV03	Tiếng Trung 4	4	90	90	0	0	0	TQ103D_Tiếng Trung 3	
424	TT105DV01	Truyền thông và xã hội	3	45	45	0	0	0		0
425	TT106DV01	Cảm thụ nghệ thuật nghe nhìn	3	69	0	6	0	0	-	K24
426	TT204DV02	Luật và đạo đức truyền thông	3	60	60	0	0	0		0
427	TT207DV01	Kỹ thuật audio – video	3	75	36	39	0	0		0
428	TT218DV01	Kỹ năng tạo lập văn bản truyền thông	3	60	60	0	0	0		
429	TT301DV02	Nghiên cứu thị hiếu khán thính giả	3	45	45	0	0	0	TT104D_Tổng quan về truyền thông MK203D_Marketing căn bản	
430	TT302DE02	TV Program Production	3	75	0	66	9	0	TT205D_Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn; TT207D_Kỹ thuật Audio-Video hoặc TT406D_Kỹ thuật Audio và Video; TT206D_Nội dung và phương tiện truyền thông nghe nhìn hoặc TT323D_Nội dung và phương tiện truyền thông EIC 5/ EII 4	
431	TT302DV02	Sản xuất chương trình giải trí truyền hình	3	75	0	66	9	0		0
432	TT304DE02	TVC and New Media Production	3	75	0	60	15	0	TT205D_Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn TT207D_Kỹ thuật Audio-Video TT206D_Nội dung và phương tiện truyền thông nghe nhìn	
433	TT306DV02	Đồ án: Quản lý sản xuất sản phẩm TTNN	2	0	0	0	0	0	TT302D_Sản xuất Chương trình giải trí Truyền hình, hoặc TT303D_Sản xuất Phim truyện, hoặc TT304D_Sản xuất quảng cáo TVC và New Media, hoặc TT308D_Sản xuất chương trình giải trí Phát thanh	
434	TT307DV02	Cấu trúc khung chương trình	3	45	45	0	0	0	TT301D_Nghiên cứu thị hiếu khán thính giả, và TT206D_Nội dung và phương tiện TTNN	
435	TT322DV01	Quản lý dự án nghệ thuật	3	60	52	0	8	0	TT106DV01_Cảm thụ nghệ thuật nghe nhìn	
436	TT324DE01	Creativity in the art of communication	3	60	60	0	0	0		0

437	TT402DE01	Media Selling	3	60	30	30	0	0	TT320D_ Quản trị truyền thông tích hợp TT301_ Nghiên cứu thị hiếu khán thính giả	
438	TT403DV02	Đồ án: Kế hoạch kinh doanh sản phẩm TTNN	2	30	0	30	0	0	0	
439	TT408DV01	Kỹ thuật Audio và Video	6	90	0	90	0	0	0	
440	TT452DE01	Graduation Project	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	
441	TT452DV01	Đồ án tốt nghiệp	9	0	0	0	0	0	Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN	